

<p>e. Dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin, khai thác dữ liệu, cung cấp dữ liệu, xử lý dữ liệu.</p> <p>f. Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí nhà nước cấm).</p> <p>g. Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ giá tăng giá trị trên mạng Viễn thông, Internet Việt Nam;</p> <p>h. Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin.</p> <p>i. Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu</p> <p>j. Dịch vụ đào tạo</p> <p>k. Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm</p> <p>l. Đầu tư kinh doanh bất động sản</p> <p>m. Thiết kế mẫu in, in và các dịch vụ liên quan đến in</p> <p>n. Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc</p> <p>o. Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)</p> <p>p. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</p>	<p>e. Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số và các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; Cung cấp dịch vụ nội dung tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông;</p> <p>f. Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc.</p> <p>g. In ấn;</p> <p>h. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>i. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>j. Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình</p> <p>k. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>l. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>m. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</p>
---	--

	<p>q. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>r. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>s. Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi</p> <p>t. Dịch vụ trò chơi trực tuyến</p>	<p>n. Quảng cáo</p> <p>o. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi</p> <p>p. Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính</p> <p>q. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm</p> <p>r. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</p> <p>s. Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm</p> <p>t. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>u. Dịch vụ thông tin khác chưa phân vào đâu</p> <p>v. Hoạt động thể thao khác;</p> <p>w. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.</p>	
4	<p>Điều 10: Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>Khoản 2, điểm a:</p> <p>“Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;”</p>	<p>Điều 10: Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>Khoản 2, điểm a:</p> <p>“Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp; hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;”</p>	<p>Theo điểm a Khoản 1 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014</p>

5	<p>Điều 10: Quyền hạn của cổ đông Công ty Khoản 2, điểm h:</p> <p>“Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.”</p>	<p>Điều 10: Quyền hạn của cổ đông Công ty Khoản 2, điểm h:</p> <p>“Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.”</p>	Phù hợp với thực tế Công ty
6	<p>Điều 11: Nghĩa vụ của các cổ đông:</p> <p>“Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các quyết định của HĐQT và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; và</p> <p>c) Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.</p>	<p>Điều 11: Nghĩa vụ của các cổ đông:</p> <p>“1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p> <p>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.</p> <p>3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.</p> <p>4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.”</p>	Theo điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2014

7	<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông Khoản 2: “ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm”</p>	<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông Khoản 2: “Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp”</p>	Theo điều 136 của Luật Doanh nghiệp 2014
8	<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông Khoản 3: HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty; Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy. b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa. c) Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ. d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 10 khoản 3 của Điều lệ này yêu cầu triệu</p>	<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông 3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty; b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa. c) Khi số thành viên của HĐQT và Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật. d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 10 khoản 3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan); và</p>	Theo điều 136 của Luật Doanh nghiệp 2014

<p>tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan); và</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>
<p>Khoản 4:</p> <p>a) HĐQT phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3d hoặc 3e trên đây.</p> <p>b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các Cổ đông;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3d của Điều này có thể triệu tập cuộc họp các Cổ đông.</p> <p>d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>4. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại điểm c 3 Khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d hoặc điểm e Khoản 3 trên đây.</p>
<p>Khoản 4:</p> <p>a) HĐQT phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại điểm c 3 Khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d hoặc điểm e Khoản 3 trên đây.</p> <p>b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 12 này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 12 này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo yêu cầu nêu tại điểm d Khoản 3 của Điều 12 này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p>	<p>5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 12 này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 12 này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo yêu cầu nêu tại điểm d Khoản 3 của Điều 12 này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p>

	<p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>8. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
<p>Theo khoản 2 điều 136 của Luật Doanh nghiệp 2014</p>	<p>Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1</p> <p>Đại hội Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;</p>	<p>Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1</p> <p>“Đại hội Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình công ty;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của các kiểm toán viên; và</p>
<p>9</p>		

	e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.		<p>d) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và</p> <p>f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	
10	<p>Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2: Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>c) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với các loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;</p> <p>g) Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>h) Quyết định sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p>Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 2: Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với các loại cổ phần đó;</p> <p>e) Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;</p> <p>g) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;</p> <p>h) Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>j) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p>	Theo khoản 2.d điều 135 của Luật Doanh nghiệp 2014	

	<p>i) Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.</p> <p>j) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>k) Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện với giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo số sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>l) Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;</p> <p>m) Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 khoản 1 của Luật doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo số sách kế toán; và</p> <p>n) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>	<p>k) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>l) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>m) Chấp thuận các giao dịch khi Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 khoản 1 của Luật doanh nghiệp; và</p> <p>n) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>	
11	<p>Điều 14: Các đại diện được ủy quyền Không có</p>	<p>Điều 14: Các đại diện được ủy quyền Khoản 5: “Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 140 Luật doanh nghiệp 2014 (Bổ phiếu điện tử)</p>

	<p>b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.”</p>		
12	<p>Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 2:</p> <p>“Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ”</p>	<p>Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 2:</p> <p>“Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bởi từ 51 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ”</p>	Theo khoản 2 điều 144 Luật doanh nghiệp 2014
13	<p>Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 3:</p> <p>“Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ”</p>	<p>Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 3:</p> <p>“Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sát nhập, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền</p>	Theo khoản 1 điều 144 Luật doanh nghiệp 2014

	<p>biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ”</p>		<p>Theo điều 141 Luật doanh nghiệp 2014</p>
<p>14</p>	<p>Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 5:</p> <p>“ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Trong ĐHĐCĐ triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ”</p>	<p>Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ</p> <p>Khoản 5:</p> <p>“ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Trong ĐHĐCĐ triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ”</p>	<p>Theo điều 141 Luật doanh nghiệp 2014</p>

15	<p>Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Khoản 1:</p> <p>“Các Nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này”</p>	<p>Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Khoản 1:</p> <p>“Các Nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% quyền biểu quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này.”</p>	Theo khoản 4 điều 144 Luật doanh nghiệp 2014
16	<p>Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Khoản 2, điểm b:</p> <p>“Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin”</p>	<p>Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Khoản 2, điểm b:</p> <p>“Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014”</p>	Theo khoản 2 điều 145 Luật doanh nghiệp 2014
17	<p>Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Khoản 2, điểm c:</p> <p>“Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại”</p>	<p>Điều 18: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Khoản 2, điểm c:</p> <p>“Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc</p>	Theo khoản 6 điều 145 Luật doanh nghiệp 2014

18	<p>Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>Khoản 3: Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua; c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; e) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó; f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; h) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; 	<p>gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.”</p> <p>Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>Khoản 3: Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp; f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài 	<p>Sửa lại toàn bộ nội dung theo Khoản 2, Điều 149, Luật Doanh nghiệp 2014</p>
----	--	---	--

	<p>i) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.</p> <p>j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>k) Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.</p>	<p>chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng quyết định, tiền lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính. Chấp thuận đề Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc Nhân sự và Kế toán trưởng. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p>
--	--	---

			<p>n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	
19	<p>Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>Khoản 4: Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn</p> <p>a) Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b) Việc thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c) Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật doanh nghiệp, HĐQT quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, vay cho vay, sát nhập, đầu tư Công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại 120.1a Luật doanh nghiệp đều phải do ĐHQĐ phê chuẩn;</p> <p>d) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;</p> <p>e) Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Bổ khoản này do toàn bộ nội dung đã quy định tại Khoản 3 Điều 20_ Đã lấy đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 149, Luật Doanh nghiệp 2014</p>	

	<p>f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hàng năm;</p> <p>g) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h) Việc định giá các tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;</p> <p>j) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p>	
20	<p>Điều 21: Chủ tịch, thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 4:</p> <p>“Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày”</p>	<p>Điều 21: Chủ tịch, thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 4:</p> <p>“Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày”</p>
21	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Khoản 2: Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các</p>	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Khoản 2: Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Theo khoản 4, điều 153 Luật doanh nghiệp 2014</p>

	<p>đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a) Tổng Giám đốc điều hành hoặc các Phó Tổng Giám đốc, hoặc ít nhất 5 nhân viên quản lý cấp đơn vị trực thuộc Công ty;</p> <p>b) Hai thành viên HĐQT;</p> <p>c) Chủ tịch HĐQT; hoặc;</p> <p>d) Hai thành viên trong BKS.</p> <p>“Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng hai tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp; những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT”</p>	<p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>Đó đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; ở một trong các trường hợp sau đây: nhận triệu tập cuộc họp;</p>	
22	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Khoản 3:</p> <p>“Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng hai tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp; những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT”</p>	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Khoản 3:</p> <p>“Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp; những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.”</p>	Theo khoản 5, điều 153 Luật doanh nghiệp 2014

<p>23</p> <p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 4:</p> <p>Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.</p>	<p>Bổ khoản này</p>	<p>Bổ khoản này do không còn phù hợp với thực tế</p>
<p>24</p> <p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 6:</p> <p>“Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện các thành viên hội đồng có thể thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp”</p>	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 6:</p> <p>“Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi tổ chức, với điều kiện các thành viên hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp”</p>	<p>Theo khoản 6 điều 153 Luật doanh nghiệp 2014</p>
<p>25</p> <p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 7:</p> <p>“Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế”</p>	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 7:</p> <p>“Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trưởng họp cuộc</p>	<p>Theo khoản 8 điều 153 Luật doanh nghiệp 2014</p>

		<p>hợp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong vòng 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp”</p>	
26	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 8, điểm d: “Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162.1 của Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”</p>	<p>Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT Khoản 8, điểm d: “Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162 Khoản 1 của Luật doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”</p>	<p>Cập nhật lại đúng theo điều luật Doanh nghiệp 2014</p>
27	<p>Điều 25: Cán bộ quản lý</p> <ol style="list-style-type: none"> Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. 	<p>Điều 25: Cán bộ quản lý cấp cao</p> <ol style="list-style-type: none"> Cán bộ quản lý cấp cao phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý cấp cao của công ty là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc Nhân sự và Kế toán trưởng của công ty. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, công ty có thể có thêm các chức danh quản lý khác là Cán bộ quản lý cấp cao. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do HĐQT quyết định. Hợp đồng tiền lương và các quyền lợi khác của các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính sẽ do 	<p>Phù hợp với thực tế Công ty và tham khảo theo quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 149 luật Doanh nghiệp</p>

		<p>HDQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p>Điều 26: Cán bộ quản lý khác</p> <p>Theo quyết định của Tổng Giám đốc, công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý khác cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý. HDQT có quyền xem xét và đề xuất thay đổi cơ cấu cán bộ quản lý khác nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý khác này không bao gồm các cán bộ quản lý cấp cao do HDQT quyết định ở Điều 24 và Điều 25.</p>	
28	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Khoản 1:</p> <p>Bổ nhiệm: HDQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Khoản 1:</p> <p>Bổ nhiệm: HDQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Theo điều 158 Luật doanh nghiệp 2014

29	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Khoản 3, điểm b:</p> <p>Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Khoản 3, điểm b:</p> <p>Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>Phù hợp với thực tế Công ty và tham khảo theo quy định tại khoản 3 điều 157 luật Doanh nghiệp 2014</p>
30	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Khoản 3, điểm c:</p> <p>Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do HĐQT đề xuất và tư vấn cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Khoản 3, điểm c:</p> <p>c) Đối với cán bộ quản lý cấp cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý cấp cao mà Công ty cần thuê (hoặc không cần tiếp tục sử dụng) để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất; - Đề xuất HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý cấp cao <p>d) Quyết định số lượng và các loại cán bộ quản lý khác (không bao gồm cán bộ quản lý cấp cao) mà Công ty cần thuê để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý khác này. Trưởng hợp HĐQT xét thấy cần thay đổi, số</p>	<p>Phân định rõ ràng hơn để có thể phù hợp hơn với quản lý của Công ty.</p>

			lượng cán bộ quản lý khác này và mức lương, thù lao, các lợi ích khác của các cán bộ quản lý khác thì các quyết định theo khoản này sẽ phải thông qua HĐQT.	
31	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc; khoản 3, điểm d:</p> <p>Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc; khoản 3, điểm e:</p> <p>Số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trong giới hạn cho phép chi phí lương theo kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.</p>	Phù hợp với thực tế Công ty	
32	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc; khoản 3, điểm e:</p> <p>Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc; khoản 3, điểm f:</p> <p>Vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.</p>	Phù hợp với thực tế Công ty	

33	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc; khoản 3, điểm h:</p> <p>Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc; khoản 3, điểm i:</p> <p>Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p>	Phù hợp với thực tế Công ty
34	<p>Điều 26: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Khoản 5:</p> <p>“Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo.”</p>	<p>Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Khoản 5:</p> <p>“Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 50% thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo.”</p>	Phù hợp với thực tế Công ty

35	<p>Điều 29: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 3, điểm b:</p> <p>“Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông không có lợi ích liên quan đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;”</p>	<p>Điều 30: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 3, điểm b</p> <p>“Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông không có lợi ích liên quan đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;”</p>	<p>Phù hợp với thực tế Công ty và tham khảo theo quy định tại điều 162 luật Doanh nghiệp 2014</p>
36	<p>Điều 31: Bổ nhiệm Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 4:</p> <p>Ban kiểm soát không được ít hơn 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên, tùy nhiên trong 3 năm đầu tiên Ban kiểm soát sẽ chỉ có 3 thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất 1 thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc nhân viên của chính công ty</p>	<p>Điều 32: Bổ nhiệm Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 4:</p> <p>Ban kiểm soát không được ít hơn 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên, tùy nhiên trong 3 năm đầu tiên Ban kiểm soát sẽ chỉ có 3 thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất 1 thành viên có chuyên môn về kế toán. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Theo khoản 1 điều 164 Luật doanh nghiệp 2014</p>
37	<p>Điều 34: Cổ tức</p> <p>Khoản 1:</p> <p>Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham</p>	<p>Điều 35: Cổ tức</p> <p>Khoản 1:</p> <p>Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.</p>	<p>Theo khoản 4 điều 132 Luật doanh nghiệp 2014</p>

	<p>khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Khoản 2:</p> <p>Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty</p>	<p>Khoản 2:</p> <p>Theo quy định của Luật doanh nghiệp, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p>	
--	--	---	--

trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam.

Một số chỉ tiêu chính của báo cáo tài chính như sau:

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH
Doanh thu bán hàng	478.013.992.487	786.646.474.445	165%
Giá vốn hàng bán	447.170.109.848	744.365.033.468	166%
Doanh thu hoạt động tài chính	15.000.000.000	17.700.519.936	118%
Chi phí tài chính		1.996.001.601	
Chi phí bán hàng	100.000.000	5.927.131.577	5927%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.709.096.858	20.853.625.642	133%
Lợi nhuận khác		(161.982.637)	
Lợi nhuận trước thuế	30.034.785.780	31.043.219.456	103%
Lợi nhuận sau thuế	24.027.828.624	24.810.129.725	103%

Trên đây là một số nội dung Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020. Rất mong nhận được sự giúp đỡ của quý vị cổ đông để chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian sắp tới.

TM BAN KIỂM SOÁT



Đỗ Ngọc Khuê



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

VMG Media Jsc



BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020

Tháng 06/2020



NỘI DUNG

GIỚI THIỆU VMG.....	2
KẾT QUẢ KINH DOANH 2019.....	4
I. KẾT QUẢ KINH DOANH 2019	4
1. <i>Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019</i>	<i>4</i>
2. <i>Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh 2019.....</i>	<i>4</i>
3. <i>Doanh thu và lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2014-2019.....</i>	<i>4</i>
4. <i>Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 2019.....</i>	<i>4</i>
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TRỌNG TÂM NĂM 2019	6
1. <i>Tập trung nguồn lực phát triển dịch vụ Phân tích dữ liệu. Cung cấp thêm các dịch vụ cho các khách hàng hiện có.....</i>	<i>6</i>
2. <i>Quy hoạch lại và nâng cấp hệ thống cung cấp dịch vụ. Tổng quát hoá và Module hoá các phân hệ cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>6</i>
3. <i>Xây dựng các quy định phòng ngừa rủi ro và đảm bảo an toàn cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>6</i>
4. <i>Cơ cấu lại tổ chức. Xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng. Quyết liệt và đặt yêu cầu cao cho đội ngũ nhân sự</i>	<i>6</i>
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH SWOT.....	7
I. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG.....	7
II. PHÂN TÍCH SWOT	7
1. <i>Điểm mạnh.....</i>	<i>7</i>
2. <i>Điểm yếu.....</i>	<i>7</i>
3. <i>Cơ hội.....</i>	<i>8</i>
4. <i>Thách thức.....</i>	<i>8</i>
KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG VMG 2020.....	9
I. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020	9
1. <i>Các chỉ tiêu kế hoạch Công ty mẹ (VMG).....</i>	<i>9</i>
2. <i>Giải thích các chỉ tiêu đăng ký 2020.....</i>	<i>9</i>
II. ĐỊNH HƯỚNG 2020	10
1. <i>Xây dựng chiến lược phát triển dựa vào 3 trụ cột chính: Công nghệ, Dữ liệu và Quản trị.....</i>	<i>10</i>
2. <i>Xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu mạnh. Tuyển dụng, đào tạo chuyên gia về tổ chức dữ liệu.....</i>	<i>10</i>
3. <i>Tiếp tục xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn phòng ngừa rủi ro và đảm bảo an toàn khi cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>10</i>
4. <i>Ứng dụng công cụ quản trị hiện đại để nâng cao năng suất lao động. Công cụ quản lý BSC, Tự động hoá hệ thống quy trình, Hệ thống quản lý tài nguyên.....</i>	<i>10</i>
PHỤ LỤC. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG.....	11

1883615
CÔNG TY
PHẦN
CỐN THÔN
M
- TP. H.

C.T.C.P
M
- TP. H.

GIỚI THIỆU VMG

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG có mã số doanh nghiệp 0101883619, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/02/2006 và các lần sửa đổi tiếp theo.

Vốn điều lệ

- | | |
|--|---------------------|
| - Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 theo đăng ký kinh doanh: | 203.930.000.000 VND |
| - Vốn thực góp tại ngày 31/12/2019: | 203.930.000.000 VND |

Các hoạt động chính của Công ty:

- Công thông tin (trừ hoạt động báo chí).
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi.
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số cả các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông
- Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc.
- In ấn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Quảng cáo
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Dịch vụ thông tin khác chưa phân vào đâu

Trụ sở chính của Công ty: Tòa nhà Peak View, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đăng Thắng	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Bình Dương	Ủy viên HĐQT
Ông Tomohiro Dejima	Ủy viên HĐQT
Ông Domingo Alonso	Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Thủy	Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát:

Ông Đỗ Ngọc Khuê	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát
Bà Bùi Thị Hồng	Thành viên ban kiểm soát

KẾT QUẢ KINH DOANH 2019

I. KẾT QUẢ KINH DOANH 2019

1. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	TH/KH
1	Doanh thu	786.646	478.014	165%
2	Lợi nhuận trước thuế	31.043	30.035	103%

2. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng	812.844	786.646
2	Giá vốn hàng bán	784.019	744.365
3	Doanh thu hoạt động tài chính	21.843	17.701
4	Chi phí tài chính	964	1.996
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.881	20.854
6	Lợi nhuận trước thuế	30.347	31.043
7	Lợi nhuận sau thuế	24.020	24.810
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (sau khi trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi)	1.001 đồng/CP	1.034 đồng/CP

3. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2014-2019

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu	724.282	1.705.480	2.906.570	1.899.476	812.844	786.646
% so với năm trước	125%	235%	170%	65%	43%	97%
Lợi nhuận trước thuế	101.920	87.849	69.676	418.766	30.347	31.043
% so với năm trước	80,80%	86%	79%	601%	7%	102%
Lợi nhuận hoạt động SXKD	70.340	71.987	70.035	-8.152	10.524	15.501
% so với năm trước	83%	102%	97%	-112%	129%	147%

4. Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 2019.

Năm 2019, Công ty đã hoàn thành 165% kế hoạch doanh thu, 103% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Các nguyên nhân cơ bản của kết quả kinh doanh năm 2019 như sau:

- **Dịch vụ tin nhắn thương hiệu phát triển.** Năm 2019, Công ty đã có sự phát triển và mở rộng mạnh mẽ bằng việc đạt các mốc tiêu thụ tin nhắn thương hiệu cao kỷ lục so với các năm qua. Công ty đã đẩy mạnh bán hàng trên tất cả các kênh truyền thông và hợp tác với các khách hàng lớn trong lĩnh vực thương mại điện tử. Bên cạnh đó, Công ty đã tập trung nguồn lực tài chính nhằm đạt được các đơn hàng lớn và chiết khấu cao với các nhà mạng để đảm bảo nguồn đầu vào cho dịch vụ. Tính đến hết năm 2019, VMG chiếm gần 30% thị phần mảng Brandname (trừ lĩnh vực ngân hàng).
- **Các dịch vụ truyền thông vẫn giữ được vị thế.** Trong năm 2019, dịch vụ giá trị gia tăng tăng nhẹ so với năm trước, Công ty đã tập trung phát triển thêm các gói dịch vụ mới với nội dung tốt đã góp phần bù đắp sự giảm sút doanh thu và lợi nhuận của dịch vụ xỏ số, do đó lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm nay có cải thiện hơn so với năm trước. Công ty cũng mở rộng cung cấp dịch vụ tại thị trường Myanmar, Lào và Cambodia.
- **Các dịch vụ mới bắt đầu có sự tăng trưởng.** Trong năm 2019, các dịch vụ mới tại công ty đã bước đầu có sự tăng trưởng đem lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty. Trong đó điển hình nhất là dịch vụ phân tích dữ liệu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TRỌNG TÂM NĂM 2019

1. Tập trung nguồn lực phát triển dịch vụ Phân tích dữ liệu. Cung cấp thêm các dịch vụ cho các khách hàng hiện có.

- Năm 2019, Công ty đã tập trung các nguồn lực về công nghệ, nhân lực phục vụ sự phát triển của các dịch vụ Phân tích dữ liệu. Dịch vụ Phân tích dữ liệu đã triển khai thành công trên cả 3 nhà mạng: Vinaphone, Mobifone và Viettel cũng như giới thiệu dịch vụ tới các khách hàng mới. Bên cạnh đó Công ty cũng đã tìm hiểu và đa dạng hoá các dịch vụ Phân tích dữ liệu nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Hiện tại công ty đã cung cấp dịch vụ tới trên 30 ngân hàng, công ty tài chính.
- Đánh giá. Công ty hoàn thành mục tiêu trong năm 2019.

2. Quy hoạch lại và nâng cấp hệ thống cung cấp dịch vụ. Tổng quát hoá và Module hoá các phân hệ cung cấp dịch vụ.

- Trong năm 2019, Công ty đã tổng quát hoá được toàn bộ dịch vụ Giá trị gia tăng, dịch vụ Phân tích dữ liệu, dịch vụ Brandame. Các dịch vụ đều được Module hoá từng phần và riêng biệt cho phép cấu hình linh hoạt theo yêu cầu của khách hàng, theo yêu cầu quản trị.
- Đánh giá. Công ty hoàn thành mục tiêu trong năm 2019.

3. Xây dựng các quy định phòng ngừa rủi ro và đảm bảo an toàn cung cấp dịch vụ.

- Năm 2019 công ty đã rà soát và cập nhật lại toàn bộ quy trình KPI dịch vụ và từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro nội bộ nhằm đưa ra các quy định và tiêu chuẩn để phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đánh giá. Công ty mới hoàn thành một phần mục tiêu trong năm 2019. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát rủi ro cho từng bước từng phần hành của quá trình cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo an toàn và phòng ngừa rủi ro.

4. Cơ cấu lại tổ chức. Xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng. Quyết liệt và đặt yêu cầu cao cho đội ngũ nhân sự

- Năm 2019, Công ty đã cơ cấu lại sơ đồ tổ chức, trong đó: giải thể phòng Luckyfone và chuyển toàn bộ nhân viên của phòng Luckyfone sang dịch vụ khác do dịch vụ này đã đi đến cuối vòng đời, kinh doanh không còn hiệu quả; chuyển toàn bộ việc vận hành dịch vụ sang phòng hệ thống, và để phòng phát triển dịch vụ và dự án tập trung toàn bộ việc nghiên cứu, xây dựng và phát triển phần mềm; phân chia quyền hạn và trách nhiệm trong nội bộ Ban lãnh đạo, đảm bảo tổ chức Công ty hoạt động gọn nhẹ và hiệu quả nhất.
- Năm 2019 công ty ban hành cơ chế thưởng, phạt cho việc khai thác dịch vụ Brandname để nâng cao trách nhiệm, giảm rủi ro cho dịch vụ.
- Năm 2019 công ty cũng cập nhật hệ thống quản trị BSC theo hướng tinh gọn các chỉ tiêu KPI để đảm bảo đơn giản trong vận hành nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản trị.
- Đánh giá. Công ty hoàn thành mục tiêu trong năm 2019.

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH SWOT

I. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Kinh tế Việt Nam năm 2019 tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu đề ra từ 6,6%-6,8%. Năm 2019 cũng là năm được đánh giá kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát thấp nhất trong 3 năm qua. Bước sang năm 2020 những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ tới tất cả các ngành nghề lĩnh vực của nền kinh tế nói chung và ảnh hưởng tới ngành Viễn thông nói riêng; ảnh hưởng trực tiếp tới các khách hàng của Công ty.

Tốc độ tăng trưởng GDP quý I năm 2020 của Việt Nam ước đạt 5,32%, mức thấp nhất kể từ năm 2011 và dự báo tốc độ tăng trưởng năm 2020 đạt 5,05% - 5,32%. Do đại dịch, năm 2020 VNPT sẽ giảm 6.161 tỷ doanh thu và 817 tỷ lợi nhuận. Kế hoạch của Mobifone cũng dự đoán giảm 6.684 tỷ doanh thu và 1.526 tỷ lợi nhuận. Người dùng cuối cắt giảm chi tiêu viễn thông cũng làm giảm doanh thu các dịch vụ giá trị gia tăng, nhu cầu dịch vụ dịch vụ quảng cáo giảm và các ngân hàng công ty tài chính đề nghị giảm phí dịch vụ để chia sẻ khó khăn.

Để khắc phục những khó khăn do dịch bệnh, chính phủ cũng ban hành một loạt những chính sách mới để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng. Một số chính sách có tác động tới hoạt động của VMG có thể kể đến như sau:

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
- Nghị quyết 84/NQ-CP cho phép cung cấp thí điểm Mobile Money.

II. PHÂN TÍCH SWOT

1. Điểm mạnh

- Công ty có thương hiệu, uy tín trong lĩnh vực tin nhắn thương hiệu tại thị trường Việt Nam. VMG cũng là một trong những công ty đầu tiên khai thác dịch vụ dữ liệu trên các mạng viễn thông.
- VMG có nguồn lực tài chính mạnh. Xây dựng mối quan hệ tài chính tốt với các nhà mạng và hệ thống ngân hàng tạo lợi thế cho kinh doanh dịch vụ.
- VMG hiện đang có đầy đủ các hạ tầng, hệ thống cần thiết để khai thác tốt các dịch vụ: Mobile Marketing, Phân tích dữ liệu, Bản quyền.
- Đội ngũ nhân sự của VMG có sự gắn kết cao.

2. Điểm yếu

- Hầu hết các dịch vụ của VMG đều là dịch vụ già, đang ở cuối vòng đời. Các dịch vụ mới chưa đủ mạnh để bù đắp được sự sụt giảm của các dịch vụ truyền thống.
- Cấu trúc chi phí của VMG đã ổn định và không thể giảm thêm, việc sụt giảm về doanh thu sẽ trực tiếp tác động lên lợi nhuận.

3. Cơ hội

- Hệ thống các công ty ngân hàng, tài chính có xu hướng sử dụng công nghệ để hoạt động, phát triển hiệu quả và có nhu cầu hợp tác lớn với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ. Dịch vụ phân tích dữ liệu của VMG đã tiếp cận được với nhiều ngân hàng và tổ chức tài chính và nhận được những phản hồi tích cực từ khách hàng sử dụng dịch vụ. Từ đó tạo tiền đề để công ty nghiên cứu và phát triển dịch vụ dữ liệu nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Các nhà mạng bắt đầu tập trung phát triển dịch vụ số, trong đó có dịch vụ data (dữ liệu). VMG là một trong số ít các Công ty đầu tiên khai thác lĩnh vực này.
- Sự sụt giảm doanh thu, lợi nhuận của Telco. Cơ hội để VMG đề xuất hợp tác.
- Chính phủ đang cho thí điểm cung cấp dịch vụ Mobile money, chuẩn bị sửa đổi thông tư 22/2014/TT-NHNN tạo hành lang pháp lý cho việc cung cấp dịch vụ eKYC.

4. Thách thức

- Đại dịch Covid-19 đã tác động trực tiếp đến các dịch vụ, khách hàng của VMG. Nhu cầu khách hàng suy giảm và sức ép của khách hàng trong việc giảm giá dịch vụ sẽ làm giảm doanh thu và lợi nhuận của công ty.
- Quản lý nhà nước ngày càng siết chặt việc cung cấp dịch vụ nội dung, quảng cáo, truyền thông, dịch vụ trung gian thanh toán, bảo mật thông tin.
- Các nhà mạng có xu hướng đưa ra những chính sách giảm tỷ lệ, hạn chế phát triển thuê bao với các sản phẩm của dịch vụ giá trị gia tăng.
- Xuất hiện các đối thủ trong mảng phân tích dữ liệu.

KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG VMG 2020

I. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch Công ty mẹ (VMG)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH 2020	TH 2019	% KH/TH
1	Tổng doanh thu	630.008	786.646	80%
2	Lợi nhuận hoạt động KD	19.640	15.501	127%
3	Lợi nhuận hoạt động Tài chính	15.000	15.705	96%
4	Lợi nhuận trước thuế	34.640	31.043	112%
5	Lợi nhuận sau thuế	27.712	24.810	112%

2. Giải thích các chỉ tiêu đăng ký 2020

- Giảm doanh thu các dịch vụ thương mại. Năm 2019 công ty có cung cấp dịch vụ Topup với doanh thu và giá vốn cao. Năm 2020 công ty không tập trung cung cấp dịch vụ này nên kế hoạch doanh thu giảm so với thực hiện năm 2019.
- Giảm doanh thu các dịch vụ trung gian. Năm 2020, các nhà mạng vẫn tiếp tục siết chặt các dịch vụ trung gian (*dịch vụ cho thuê đầu số*) dẫn đến việc sụt giảm doanh thu các dịch vụ của VMG.
- Giảm doanh thu dịch vụ nội dung số. Do dịch vụ số hiện đang đi vào cuối vòng đời dịch vụ nên doanh thu khách hàng có chiều hướng suy giảm tự nhiên. Dịch vụ CSP tiếp tục chịu ảnh hưởng từ việc thắt chặt chính sách của các nhà mạng đối với dịch vụ này trong năm 2020.
- Tăng doanh thu dịch vụ tin nhắn thương hiệu. Năm 2020, công ty tiếp tục đầu tư nguồn lực để mua các đơn hàng lớn từ các nhà mạng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận của dịch vụ.
- Tăng lợi nhuận từ các dịch vụ mới. Các dịch vụ phân tích dữ liệu đã triển khai trong năm 2019, dự kiến có tăng trưởng tốt trong năm 2020 khi các khách hàng hiện tại đi vào sử dụng ổn định hơn và tăng thêm các khách hàng mới cũng như gia tăng thêm sản lượng sử dụng các dịch vụ tương tự. Trong năm 2020, công ty sẽ nghiên cứu và phát triển nhằm đa dạng các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của các khách hàng hiện tại.

II. ĐỊNH HƯỚNG 2020

Để thực hiện thành công chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 đồng thời tạo đà phát triển cho các năm tiếp theo, Công ty có những định hướng chính như sau:

1. **Xây dựng chiến lược phát triển dựa vào 3 trụ cột chính: Công nghệ, Dữ liệu và Quản trị.**
2. **Xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu mạnh. Tuyển dụng, đào tạo chuyên gia về tổ chức dữ liệu.**
3. **Tiếp tục xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn phòng ngừa rủi ro và đảm bảo an toàn khi cung cấp dịch vụ.**
4. **Ứng dụng công cụ quản trị hiện đại để nâng cao năng suất lao động. Công cụ quản lý BSC, Tự động hoá hệ thống quy trình, Hệ thống quản lý tài nguyên.**

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Bình Dương

PHỤ LỤC. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		643.948.914.974	685.343.634.056
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.252.456.120	47.637.957.594
111	1. Tiền		24.252.456.120	17.637.957.594
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	233.430.799.549	278.156.817.056
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		233.430.799.549	278.156.817.056
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		235.986.404.763	292.178.383.943
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	203.688.790.371	274.012.314.623
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.652.298.610	1.314.018.757
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.645.315.782	16.852.050.563
140	IV. Hàng tồn kho	8	83.815.123.167	49.488.034.869
141	1. Hàng tồn kho		83.815.123.167	49.488.034.869
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		66.464.131.375	17.882.440.594
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	61.597.091.746	12.643.654.293
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.867.039.629	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	5.238.786.301
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		123.435.674.770	94.551.756.507
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.762.451.202	2.829.079.902
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.762.451.202	2.829.079.902
220	II. Tài sản cố định		4.737.740.428	1.900.386.465
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.702.740.428	1.842.053.132
222	- Nguyên giá		30.486.128.143	28.025.094.453
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.783.387.715)	(26.183.041.321)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	35.000.000	58.333.333
228	- Nguyên giá		3.742.333.000	3.742.333.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.707.333.000)	(3.683.999.667)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	23.257.203.293	24.304.518.619
231	- Nguyên giá		30.137.483.143	30.137.483.143
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.880.279.850)	(5.832.964.524)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	91.157.771.521	65.157.771.521
251	1. Đầu tư vào công ty con		59.170.000.000	59.170.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		35.438.000.000	35.438.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		650.000.000	650.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.100.228.479)	(30.100.228.479)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.000.000.000	-

260	VI. Tài sản dài hạn khác		520.508.326	360.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	58.908.326	118.200.000
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29	461.600.000	241.800.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		767.384.589.744	779.895.390.563

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		246.067.586.796	259.396.584.178
310	I. Nợ ngắn hạn		245.081.048.982	258.490.805.874
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	46.223.733.579	76.543.136.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.568.755.152	3.315.484.748
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.565.840.424	1.314.861.275
314	4. Phải trả người lao động		10.503.678.717	12.444.068.540
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	20.001.903.639	25.897.940.391
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	9.267.354.356	7.309.986.474
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	138.551.229.045	115.977.499.646
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.398.554.070	15.687.827.924
330	II. Nợ dài hạn		986.537.814	905.778.304
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	986.537.814	905.778.304
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		521.317.002.948	520.498.806.385
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	521.317.002.948	520.498.806.385
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		76.410.632.689	75.592.436.126
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		51.600.502.964	51.572.881.711
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		24.810.129.725	24.019.554.415
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		767.384.589.744	779.895.390.563



Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

(Về các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2020)

Kính gửi: Các quý Cổ đông Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (VMG)

- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần truyền thông VMG;
- Căn cứ ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông VMG kính trình Đại hội cổ đông xem xét để thông qua các vấn đề sau tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2020;

Nội dung 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Nội dung 2: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 của công ty như sau:

- Doanh thu: 630.008 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 34.640 triệu đồng.

Nội dung 3: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019:

Cho phép trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2019 với mức tối đa là 15% lợi nhuận sau thuế năm 2019 nhưng không vượt quá 3 tháng lương thực hiện bình quân năm 2019.

Nội dung 4: Phê duyệt nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020:

- Lợi nhuận thực hiện năm 2020 bằng kế hoạch thì quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng tối đa bằng 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2020.
- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì Công ty được trích thêm quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2020.
- Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng ba tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2020 nhân (x) với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch.
- Trong mọi trường hợp, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 của Công ty không được vượt quá 15% lợi nhuận trước thuế năm 2020.



Nội dung 5: Thông qua phương án chia cổ tức:

- Tỷ lệ chi trả: 10% mệnh giá (1.000 đồng/cổ phần).
- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 20.393.000.000 đồng.
- Thời gian chi trả cổ tức: Trong vòng 4 tháng kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua nghị quyết.

Nội dung 6: Thông qua thay đổi trụ sở công ty:

Địa chỉ trụ sở công ty: Tầng 6, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Nội dung 7: Thông qua điều chỉnh điều lệ công ty 2013: chi tiết theo tờ trình đính kèm

Nội dung 8: Thống nhất thay đổi số lượng và bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2022.

- Đề xuất số lượng thành viên Hội Đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2022: 4 thành viên
- Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2022 như sau:
 - Ông Nguyễn Văn Tấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Nguyễn Đăng Thắng – Ủy viên Hội đồng quản trị
- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2022 như sau:
 - Ông Ngô Diên Hy – Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Nguyễn Mạnh Hà – Ủy viên Hội đồng quản trị
 - Ông Tomohiro Dejima – Ủy viên Hội đồng quản trị

Nội dung 9: Thống nhất bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2022.

- Bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2022 như sau:
 - Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh
- Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2022 như sau:
 - Ông Đỗ Ngọc Khuê – Trưởng ban



